



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00111

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm	: Sodium Selenite 5%
Số lượng/ khối lượng	: 160 bao/ 4.000 kg
Hãng, nước sản xuất	: Cangzhou Lingang Jinxin Technology Co., Ltd, China
Thuộc lô hàng nhập khẩu	
Hợp đồng số	: 4600052840 ngày 28/10/2025
Hóa đơn số	: 2025PV1029 ngày 25/11/2025
Vận đơn số	: MAGTJHCM251166
Ngày sản xuất	: 12/11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng	: Số 9939/HQ-GDK-TTKN ngày 28/11/2025 (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042584)
Đơn vị được cấp	: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI Địa chỉ: Lô số 17, Đường số 14, KCN Giang Điền, phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Phương thức đánh giá	: Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT- BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	: QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày	: Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 84/QĐ-TTKN

Ngày 09 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



KT. Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGŨ
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00112

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm	: Calcium Lactate
Số lượng/ khối lượng	: 720 bao/ 18.000 kg
Hãng, nước sản xuất	: Henan Jindan Lactic Acid Technology Co., Ltd, China
Thuộc lô hàng nhập khẩu	
Hợp đồng số	: 4600050961 ngày 12/9/2025
Hóa đơn số	: JD252037 ngày 19/11/2025
Vận đơn số	: A91FX11768
Ngày sản xuất	: 12/11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng	: Số 10376/HQ-GDK-TTKN ngày 11/12/2025 (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250043197)
Đơn vị được cấp	: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI Địa chỉ: Lô số 17, Đường số 14, KCN Giang Điền, phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Phương thức đánh giá	: Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT- BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	: QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày	: Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 84/QĐ-TTKN

Ngày 09 tháng 01 năm 2026





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00113

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm	: Vitamin E 50%
Số lượng/ khối lượng	: 600 bao/ 15.000 kg
Hãng, nước sản xuất	: Shandong NHU Fine Chemical Science and Technology Co., Ltd., China
Thuộc lô hàng nhập khẩu	
Hợp đồng số	: 4600053632 ngày 12/11/2025
Hóa đơn số	: 9208918495 ngày 04/12/2025
Vận đơn số	: TAO7249209
Ngày sản xuất	: 15/11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng	: Số 10476/HQ-GDK-TTKN ngày 12/12/2025 (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250043184)
Đơn vị được cấp	: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI Địa chỉ: Lô số 17, Đường số 14, KCN Giang Điền, phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Phương thức đánh giá	: Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	: QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày	: Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 84/QĐ-TTKN

Ngày 09 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00114

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm	: Vitamin E 50%
Số lượng/ khối lượng	: 800 bao/ 20.000 kg
Hãng, nước sản xuất	: Shandong NHU Fine Chemical Science and Technology Co., Ltd., China
Thuộc lô hàng nhập khẩu	
Hợp đồng số	: 4600052948 ngày 30/10/2025
Hóa đơn số	: 9208918497 ngày 04/12/2025
Vận đơn số	: TAO7248764
Ngày sản xuất	: 10/11/2025, 04/11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng	: Số 10558/HQ-GDK-TTKN ngày 15/12/2025 (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250043340)
Đơn vị được cấp	: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI Địa chỉ: Lô số 17, Đường số 14, KCN Giang Điền, phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Phương thức đánh giá	: Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	: QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày	: Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 84/QĐ-TTKN

Ngày 09 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



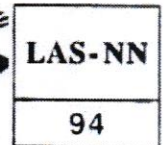
Đỗ Thanh Tùng





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168
Email: astac.mk@gmail.com



PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 5787/2025/HQ

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/ Address: 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại/Tel: 0964122045. - Email: ttnknphianam@gmail.com
Người liên hệ/ Contact Person: Phạm Hồng Quân Điện thoại/Tel: 0962012368

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information (☐ Có/Yes; ☐ Không/No):

Tên / Name:
Địa chỉ/ Address:
Mã số thuế/ Tax code:
E-mail gửi hoá đơn:

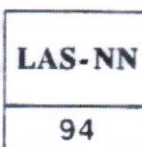
c. Thông tin mẫu / Sample information

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (Khách hàng không ghi cột này/ Customer does not fill in this column)
1.	Feed Additive Vitamin B6 (Pyridoxine Hydrochloride) (BN42882)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 01 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.1 bảng 1	
2.	Microvit B9 Promix Folic Acid (BN42882)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 01 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.1 bảng 1	
3.	Vitamin A Acetate 1000 (BN42882)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 01 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.1 bảng 1	
4.	Feed Additive Vitamin B1 (Thiamine Mononitrate) (BN42882)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 01 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.1 bảng 1	
5.	Vitamin A Acetate 500 CWS GF (BN42882)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 01 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.1 bảng 1	
6.	Feed Additive 1% Vitamin B12 (BN42882)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 01 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.1 bảng 1	



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168
Email: astac.mk@gmail.com



TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (Khách hàng không ghi cột này/ Customer does not fill in this column)
7.	Coated Ascorbic Acid (97) (BN42882)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 01 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.1 bảng 1	
8.	Folic Acid (BN42882)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 01 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.1 bảng 1	
9.	Sodium Selenite 5% (BN42584)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.4 bảng 5	
10	Calcium Lactate (BN43197)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.4 bảng 5	
11	Vitamin E 50% (BN43184)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.1 bảng 1	
12	Vitamin E 50% (BN43340)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT Mục 2.1 bảng 1	

d. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose:

☒ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other:

Trà kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☒ Email (bản ký số/digital signature)

Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐

Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☒ Không/No

Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):

**Người gửi mẫu/
Customer**

Phạm Hồng Quân

2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 20-12-2025

Ngày dự kiến trả kết quả/ Expected date of issue: 27-12-2025

Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☒ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact

Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☒ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen

Ghi chú/note:

**Người nhận
mẫu/
Recipient**

Nguyễn Ngọc Anh

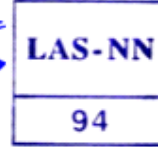
Ghi chú:

- Quý khách hàng ghi đúng, đầy đủ thông tin theo nhu cầu vào mục 1 ngoại trừ cột “Mã số mẫu/ Sample code”, Trung tâm không chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp/ Customers must fill in correct and complete information



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19555/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57872512676
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 20/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 20/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Sodium Selenite 5% (BN42584)	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	<0,9	EN 16278:2012
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	4,69	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 23/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]

Ghi chú/ Note:

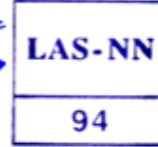
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19556/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57872512677
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 20/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 20/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Calcium Lactate (BN43197)	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 23/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]

Ghi chú/ Note:

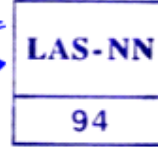
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19557/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57872512678
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 20/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 20/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Vitamin E 50% (BN43184)	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	<i>Escherichia coli</i> (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	<i>Salmonella</i> spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 23/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



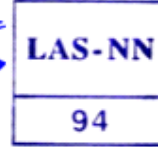
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19558/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57872512679
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 20/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 20/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Vitamin E 50% (BN43340)	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	<i>Escherichia coli</i> (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	<i>Salmonella</i> spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 23/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.